

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN MỚI (KỲ 2 VÀ HẾT)

VÕ KHÁNH VINH* - NGUYỄN VĂN KHOÁT**

2.3. Về hoàn thiện quản trị tư pháp

Khoản 6 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm. Mỗi quan hệ giữa các cấp toà án thể hiện ở hai phương diện: Phương diện tố tụng và phương diện hành chính. Quan hệ tố tụng được thiết lập theo thẩm quyền xét xử, cấp xét xử, độc lập với nhau; quan hệ hành chính được thiết lập theo cấp hành chính trên dưới, phụ thuộc. Bảo đảm tính độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đòi hỏi phải phân định rõ hai loại mối quan hệ đó trong tổ chức và hoạt động của Toà án. Phải tiếp tục hoàn thiện tổ chức toà án theo thẩm quyền xét xử, phân biệt rõ quan hệ tố tụng và quan hệ hành chính giữa các cấp toà án; đổi mới quản trị tư pháp theo hướng bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm khi xét xử. Thành lập Hội đồng Tư pháp quốc gia do luật định với tư cách là yếu tố quan trọng để đổi mới quản trị nền tư pháp, bảo đảm tăng cường kiểm soát quyền tư pháp, bảo đảm độc lập của Toà án và nền tư pháp chuyên nghiệp. Chính vì vậy, Nghị quyết số 27-NQ/TW xác định: *Hoàn thiện cơ chế để khắc phục tình trạng quan hệ giữa các cấp toà án là quan hệ hành chính, bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của thẩm phán, hội thẩm khi xét xử.* Hiện nay, Toà án nhân dân (TAND) tối cao đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề án hoàn thiện cơ chế quản trị toà án, bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm khi xét xử.

Để bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm khi xét xử, đòi hỏi phải xác định đúng thẩm quyền xét xử của các cấp toà án, phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Đổi mới quy mô, tổ chức bộ máy toà án phù hợp với khối lượng, tính chất và đặc thù

của từng toà án; đổi mới toà án sơ thẩm theo hướng có hai hệ thống gồm TAND sơ thẩm và TAND sơ thẩm chuyên biệt; đổi mới cơ chế quản trị nội bộ của Toà án; xây dựng Toà án điện tử. Do đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW chỉ rõ: *Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; xây dựng toà án điện tử.*

Bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực bên trong mỗi cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước, giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan trong cùng một cấp chính quyền đòi hỏi phải xác định thẩm quyền của Toà án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp. Quyền tư pháp bao gồm các thẩm quyền khác nhau: Quyền xét xử và phán quyết các vi phạm pháp luật, trong đó có vi phạm hành chính; giải quyết các tranh chấp do cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện; giải thích và bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; phát triển án lệ; phát triển đội ngũ Thẩm phán; quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân; xem xét, quyết định tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật. TAND thực hiện quyền tư pháp bằng hoạt động xét xử các vụ án, giải quyết các việc thuộc thẩm quyền theo thủ tục tố tụng tư pháp do luật định. Toà án thực hiện quyền tư pháp nhân danh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, Nghị quyết số 27-NQ/TW yêu cầu: *Xác định thẩm quyền của toà án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp; mở rộng thẩm quyền của toà án trong xét xử các vi phạm hành chính, quyết định một số vấn đề*

* Email: Vokhanhvinh.vass@gmail.com

Giáo sư, Tiến sĩ, Nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

** Email: Khoatnv@tks.edu.vn

Tiến sĩ, Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Cần phải nghiên cứu làm rõ thẩm quyền hội đồng xét xử khởi tố vụ án tại phiên tòa, những trường hợp tòa án thu thập chứng cứ trong hoạt động xét xử để từ đó hoàn thiện các quy phạm pháp luật tương ứng.

2.4. Về hoàn thiện Viện kiểm sát nhân dân

Hiến pháp năm 2013 quy định Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Để thực hiện tốt hai chức năng hiến định này của VKSND trong bộ máy nhà nước Việt Nam, đòi hỏi phải hoàn thiện thể chế về Viện kiểm sát; hoàn thiện cơ chế tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra theo hướng kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra, chỉ đạo điều tra; hoàn thiện cơ chế để tăng cường kiểm soát bên trong việc thực hành quyền công tố; hoàn thiện các quy định pháp luật về kiểm sát hoạt động xét xử phù hợp với nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Do đó, theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, cần phải hoàn thiện thể chế để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; hoàn thiện cơ chế tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, tăng cường kiểm soát bên trong việc thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động xét xử phù hợp với nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

2.5. Về hoàn thiện Cơ quan điều tra

Điều tra là một loại hoạt động tư pháp hình sự, là một giai đoạn của tố tụng hình sự do cơ quan, người có thẩm quyền điều tra và Viện kiểm sát thực hiện theo trình tự, thủ tục luật định để phát hiện, thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm cơ sở cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được quy định hoàn thiện bao nhiêu thì sẽ hoạt động hiệu lực, hiệu quả bấy nhiêu, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Điều tra là hoạt động gắn liền thiết yếu với quyền con người, quyền công dân của người bị giữ, bị bắt, tạm giữ,

tạm giam theo quy định của pháp luật. Mỗi quan hệ giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra không chỉ là mối quan hệ kiểm sát, chỉ đạo, phối hợp mà còn là mối quan hệ chế ước lẫn nhau. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 27-NQ/TW đòi hỏi phải tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với người bị giữ, bị bắt, tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế Cơ quan điều tra kiến nghị xem xét, giải quyết trường hợp các lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra bị Viện kiểm sát huỷ bỏ hoặc không phê chuẩn không phù hợp với quy định của pháp luật.

2.6. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thi hành án

Tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thi hành án giữ vai trò, vị trí quan trọng trong tư pháp, gắn liền với việc tổ chức để bản án, quyết định của TAND có hiệu lực phải được nghiêm chỉnh chấp hành. Đây là nguyên tắc hiến định. Điều 106 Hiến pháp năm 2013 quy định: Bản án, quyết định của TAND có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành. Thực thi, chấp hành bản án, quyết định của TAND có hiệu lực pháp luật là thực thi, chấp hành trên thực tế công lý đã được phán quyết, đưa công lý đã được khẳng định trong bản án, quyết định của TAND vào cuộc sống. Thi hành án bao gồm thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, hành chính và các loại án khác được thực hiện thông qua một cơ chế nhất định, đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa các cơ quan trong thi hành án, huy động sự tham gia của xã hội vào một số hoạt động thi hành án với cơ chế bảo đảm và lộ trình phù hợp. Mỗi cơ chế thi hành án đều gắn liền với đặc thù của từng loại bản án, quyết định tương ứng. Thi hành án gắn liền với quyền con người, quyền công dân của người chấp hành án, tổ chức, người có liên quan và Nhà nước.

Để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn mới, Nghị quyết đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thi hành án. Hoàn thiện cơ chế thi hành án hình sự theo hướng nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý giáo dục, cải tạo phạm nhân, quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; bảo đảm và bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật. Hoàn thiện cơ chế nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành án dân sự, hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong thi hành án hình sự, dân sự và hành chính; thực hiện xã hội hoá một số hoạt động thi hành án dân sự với cơ chế bảo đảm và lộ trình phù hợp. Điều này đặt ra yêu cầu hoàn thiện tổng thể pháp luật về thi hành án nói chung và từng lĩnh vực pháp luật thi hành án nói riêng theo hướng pháp điển hoá pháp luật thi hành án hình sự, thi hành án dân sự bằng việc xây dựng và ban hành Bộ luật Thi hành án hình sự, Bộ luật Thi hành án dân sự; đổi mới tổ chức bộ máy thi hành án, phương thức thi hành án, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành án; tăng quyền hạn, trách nhiệm của Toà án nhân dân trong thi hành án; đổi mới quy trình, thủ tục để rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả thi hành án dân sự, hành chính; đề cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thoả thuận, tự định đoạt liên quan đến quyền, nghĩa vụ theo bản án, quyết định dân sự; quy định chế tài nghiêm khắc đối với trường hợp chây ỳ, cản trở thi hành án¹; tăng cường xã hội hoá thi hành án.

2.7. Về hoàn thiện thể chế về luật sư, hành nghề luật sư và Hội Luật gia Việt Nam

Luật sư và hành nghề luật sư là một nghề cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng và xã hội, góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống, đem lại sự công bằng, công lý cho xã hội. Đây là một nghề đặc thù, được pháp luật quy định một cách cụ thể, chặt chẽ, rõ ràng. Những người hành nghề luật sư được đào tạo bài bản, kỹ lưỡng, đáp ứng các tiêu chuẩn

theo luật định về chuyên môn nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ. Đội ngũ luật sư thông qua hoạt động hành nghề của mình thực hiện vai trò hỗ trợ pháp lý cho người dân, các chủ thể trong xã hội thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định để phòng ngừa và giải quyết các vi phạm pháp luật, các tranh chấp, mâu thuẫn xảy ra trong xã hội, giúp đỡ những người yếu thế trong xã hội có cơ hội tiếp cận pháp luật và tiếp cận công lý, góp phần bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó có đẩy mạnh cải cách tư pháp đòi hỏi phải hoàn thiện pháp luật về luật sư, hoạt động hành nghề luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư, quản lý nhà nước hiệu quả đối với luật sư, tổ chức luật sư, tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư hành nghề, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự quản, bảo đảm luật sư, các tổ chức luật sư hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hoàn thiện tổ chức, bộ máy, cơ chế hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư, nâng cao trách nhiệm, năng lực tự quản của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư trong quản lý nhân sự. Nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, tăng cường tính tự chịu trách nhiệm của các tổ chức hành nghề luật sư, đội ngũ luật sư trong việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng hoạt động của luật sư.

Hội Luật gia Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thống nhất, tự nguyện của các luật gia trong cả nước, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ của Hội Luật gia Việt Nam là tập hợp, đoàn kết các luật gia nhằm góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, xây dựng nền khoa học pháp lý, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; tham

¹ Báo cáo tổng hợp Đề án "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045", tr.80.

gia và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức luật gia trên thế giới và các tổ chức khác theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước vì mục tiêu chung là hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Hội Luật gia Việt Nam và Hội Luật gia các cấp, các thành viên Hội luật gia bằng hoạt động tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; nghiên cứu khoa học pháp lý; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn giải quyết khiếu nại và hoà giải cơ sở; tham gia cải cách tư pháp, cải cách hành chính; tham gia đối ngoại nhân dân và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đóng vai trò quan trọng trong đời sống pháp lý của xã hội và nhà nước, trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bối cảnh phát triển mới đòi hỏi Hội Luật gia các cấp phải được củng cố, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm tích cực của các thành viên Hội luật gia trong thực hiện nhiệm vụ đúng quy định pháp luật, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Do đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW chỉ rõ phải hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư, bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với luật sư, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động hành nghề luật sư. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, am hiểu pháp luật, giỏi về kỹ năng hành nghề và ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Củng cố hội luật gia các cấp, nâng cao vai trò, trách nhiệm của thành viên hội luật gia trong thực hiện nhiệm vụ đúng quy định pháp luật.

2.8. Về hoàn thiện cơ chế hỗ trợ tư pháp và trợ giúp pháp lý

Công chứng, hoà giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp là những nghề, hoạt động có vai trò hỗ trợ cho hệ thống tư pháp, góp phần bảo đảm cho các hoạt động tư pháp được tiến hành khách quan, nhanh chóng, đúng pháp luật, bảo đảm, bảo vệ công lý, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền

công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đây là những nghề mang tính xã hội hoá cao, để phát triển đòi hỏi phải huy động tối đa nguồn lực xã hội thông qua một cơ chế nhất định; đẩy mạnh xã hội hoá một số lĩnh vực giám định tư pháp; nghiên cứu, hoàn thiện chế định thừa phát lại. Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó có đẩy mạnh cải cách tư pháp đòi hỏi phải có đội ngũ hành nghề công chứng, hoà giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của nghề công chứng, hoà giải, trọng tài, giám định tư pháp, không đồng nhất nghề này với các nghề kinh doanh khác; xác định rõ trách nhiệm của các thiết chế tự quản của những người làm nghề công chứng, hoà giải, trọng tài, giám định tư pháp, đấu giá tài sản, thừa phát lại². Vì vậy, theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, cần phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hoá và phát triển các lĩnh vực công chứng, hoà giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp; xây dựng đội ngũ hành nghề công chứng, hoà giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng, hoạt động chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

Trợ giúp pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của những người được trợ giúp, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp, đòi hỏi phải có tính chuyên nghiệp, chất lượng và trong bối cảnh hiện nay phải được hiện đại hoá, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý theo sự phát triển của đất nước, hoàn thiện cơ chế nhà nước hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận và tôn vinh các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động trợ giúp pháp lý³. Do đó, Nghị quyết số 27-NQ/

² Báo cáo tổng hợp Đề án “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”, tr.89.

³ Báo cáo tổng hợp Đề án “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện

TW chỉ rõ: *Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng trợ giúp pháp lý, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hoá, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống trợ giúp pháp lý; mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý phù hợp với điều kiện của đất nước.*

2.9. Về phát triển nhân lực tư pháp

Nhân lực tư pháp là chủ thể nòng cốt của nền tư pháp, là một loại nhân lực pháp luật, là bộ phận cấu thành nhân lực quốc gia. Nhân lực tư pháp là những người thực thi và tham gia thực thi quyền tư pháp, thực hiện các hoạt động tư pháp, có nghề nghiệp đặc biệt, là lực lượng quan trọng bảo đảm chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của các hoạt động tư pháp. Nhân lực tư pháp cũng như phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tư pháp là một trong những nội dung quan trọng của tư pháp và cải cách tư pháp.

Phát triển nhân lực tư pháp là phát triển khâu đột phá của cải cách tư pháp trong giai đoạn mới. Vai trò đột phá của nhân lực tư pháp được thể hiện tập trung nhất ở những nội dung quan trọng sau đây: Nhân lực tư pháp là **chủ thể** thực hiện và tham gia thực hiện quyền lực tư pháp, thực hiện các hoạt động tư pháp, góp phần thực hiện quyền lực nhà nước một cách hiệu quả; bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; giải quyết các xung đột trong xã hội, góp phần tạo ra sự đồng thuận trong xã hội; phát triển nhân lực tư pháp là nội dung quan trọng, trọng tâm của tư pháp, cải cách tư pháp; nhân lực tư pháp là sản phẩm, kết quả của cải cách tư pháp.

Cần có cách tiếp cận mang tính chiến lược về phát triển nhân lực tư pháp quốc gia, tức là phải có chiến lược phát triển nhân lực tư pháp quốc gia. Chiến lược phát triển nhân lực tư pháp quốc gia đưa ra một *hệ quan điểm hành động* để phát triển nhân lực tư pháp quốc gia. Hệ quan điểm đó xác định mục tiêu, quan điểm, định hướng, nội dung, các giải pháp phát triển nhân lực tư pháp với tư cách một nội dung của cải cách tư pháp, nhưng đồng

thời là chủ thể (và các chủ thể khác) tiến hành cải cách tư pháp ở nước ta.

Do vậy, Nghị quyết số 27-NQ/TW xác định: *Phát triển nhân lực tư pháp đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, có cơ cấu hợp lý. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực tư pháp; rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở đào tạo cử nhân luật. Xác định rõ hệ tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, kinh tế, xã hội và kinh nghiệm thực tiễn đối với từng chức danh, nhân lực tư pháp. Mở rộng nguồn, đẩy mạnh thực hiện cơ chế thi tuyển để bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Đổi mới chính sách, chế độ tiền lương, thời hạn bổ nhiệm và cơ chế bảo đảm để đội ngũ cán bộ tư pháp yên tâm công tác, liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là đối với đội ngũ thẩm phán. Những quan điểm mang tính chỉ đạo nói trên của Đảng ta về phát triển nhân lực tư pháp trong giai đoạn mới chính là nền tảng, quan điểm chính trị để Nhà nước xây dựng Chiến lược phát triển nhân lực tư pháp quốc gia trong giai đoạn mới.*

Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển nhân lực tư pháp quốc gia là phát triển nhân lực tư pháp quốc gia đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, có cơ cấu hợp lý; nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực tư pháp; có đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, kinh tế, xã hội và kinh nghiệm thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của tư pháp, cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Mục tiêu về số lượng là bảo đảm đủ số lượng; mục tiêu về chất lượng là bảo đảm chất lượng, có cơ cấu hợp lý. Để thực hiện được mục tiêu đó, cần nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực tư pháp; rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở đào tạo cử nhân luật. Trong phát triển nhân lực tư pháp, cần có nội dung phát triển *nhân tài tư pháp* với tư cách là phát triển một loại *nhân tài pháp luật*. Muốn vậy, phải phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng, trọng dụng nhân tài tư pháp và có chính sách tương ứng đối với nhân tài tư pháp.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045", tr.89.

Quan điểm phát triển nhân lực tư pháp trong giai đoạn mới là phát triển nhân lực tư pháp theo hướng chuyên môn hoá; bảo đảm bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có kiến thức pháp luật, kinh tế, xã hội và kinh nghiệm thực tiễn đối với từng chức danh, nhân lực tư pháp; trong sạch, vững mạnh, có dũng khí đấu tranh vì công lý, vì quyền con người, quyền công dân; mở rộng nguồn, đẩy mạnh thực hiện cơ chế để bổ nhiệm các chức danh tư pháp.

Các định hướng phát triển nhân lực tư pháp là phát triển tổng thể, toàn diện, bao trùm, có sự phân hoá hài hoà, hợp lý bên trong từng loại nhân lực tư pháp, cụ thể như đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, chấp hành viên, Luật sư, các loại nhân lực tư pháp khác. Đó là các định hướng phát triển nhân lực tư pháp theo các ngạch bậc của từng loại nhân lực tư pháp và các định hướng phát triển nhân lực lãnh đạo, quản lý, chuyên môn trong lĩnh vực tư pháp. Trong phát triển nhân lực tư pháp, phát triển đội ngũ Thẩm phán được coi là trọng tâm, được tiến hành theo hướng *chuyên môn hoá* Thẩm phán, đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý của Thẩm phán, nâng cao trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm xã hội của Thẩm phán, vị thế của Thẩm phán trong nhân lực tư pháp, trong cơ chế quyền lực nhà nước, trong xã hội.

Nội dung của phát triển nhân lực tư pháp cần hướng đến việc trang bị hệ thống tri thức cần thiết cho đội ngũ nhân lực tư pháp, bao gồm tổ hợp tư duy pháp lý, kiến thức pháp luật, kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, hội nhập quốc tế liên quan đến pháp luật, thực thi pháp luật, khả năng, năng lực, kỹ năng pháp luật, kiến thức thực tiễn về pháp luật, kiến thức về đạo đức và những tri thức liên quan khác. Việc xác định đúng hệ thống tri thức và hệ các tiêu chuẩn nói trên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng các chương trình đào tạo tổng thể và cụ thể để phát triển nhân lực tư pháp. Từng chương trình đào tạo bao gồm một khối lượng kiến thức nhất định, theo những tiêu chuẩn nhất định.

Để phát triển nhân lực tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó có cải cách tư pháp, cần phải tiến hành tổng thể các giải pháp để phát huy mọi nguồn lực trong phát triển nhân lực tư pháp là:

- Hoàn thiện pháp luật về nhân lực tư pháp; xây dựng và ban hành Luật về Thẩm phán và bảo vệ Thẩm phán, xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật độc lập tương ứng về Kiểm sát viên, Điều tra viên.

- Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược tổng thể phát triển nhân lực tư pháp quốc gia với tư cách là một loại chiến lược phát triển nhân lực pháp luật quốc gia.

- Xây dựng và thực hiện các Quy hoạch, Kế hoạch, Đề án phát triển nhân lực tư pháp quốc gia giai đoạn 2021- 2030, có lộ trình cụ thể.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ mới phù hợp với địa vị của Thẩm phán trong cơ chế quyền lực nhà nước, vị thế của Thẩm phán trong xã hội.

- Tiếp tục đổi mới cách tiếp cận, phương pháp đào tạo, chương trình đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, nguồn nhân lực tư pháp, đặc biệt là nguồn Thẩm phán để đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi mới của cải cách tư pháp, của việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Thành lập Hội đồng Tư pháp Quốc gia để chăm lo việc xây dựng và phát triển đội ngũ Thẩm phán, có phẩm chất đạo đức, vững về chính trị, có chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu và kinh nghiệm, nâng cao năng lực của đội ngũ *Thẩm phán* với tư cách là *nhân vật trung tâm* thực hiện quyền tư pháp.

2.10. Về tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tư pháp

Tiếp tục đổi mới hợp tác và hội nhập quốc tế về tư pháp; chủ động, tích cực hợp tác quốc tế, khu vực trong lĩnh vực tư pháp, đặc biệt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tư pháp; tiếp tục ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác. Tăng cường phối hợp chung trong hoạt động phòng, chống tình hình tội phạm có yếu tố nước ngoài, các tội phạm phi truyền thống. Rà soát, tổng kết,

đánh giá các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, gia nhập, phê chuẩn trong lĩnh vực tư pháp đã được chuyển hoá vào pháp luật Việt Nam; nội luật hoá đầy đủ các điều ước đó. Tăng cường nguồn lực vật chất, tổ chức, nhân lực và các nguồn lực khác để thực hiện quyền tư pháp. Cụ thể là:

- Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam. Hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia trong lĩnh vực tư pháp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tư pháp; tiếp tục ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác; tăng cường phối hợp chung trong hoạt động phòng, chống tình hình tội phạm có yếu tố nước ngoài, các tội phạm phi truyền thống; rà soát, tổng kết, đánh giá các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, gia nhập, phê chuẩn trong lĩnh vực tư pháp đã được chuyển hoá vào pháp luật Việt Nam; nội luật hoá đầy đủ các điều ước đó.

- Tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nhân lực tư pháp, nhân lực hỗ trợ tư pháp có đủ trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ để tham gia hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp, hoạt động phòng, chống tình hình tội phạm có yếu tố nước ngoài, các tội phạm phi truyền thống, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, các tổ chức, công dân của Việt Nam liên quan đến các quan hệ tư pháp quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực; hoàn thiện cơ chế pháp lý về bảo hộ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

- Tăng cường công tác thông tin đối ngoại về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những thành tựu trong xây dựng, hoàn thiện Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Việt Nam.

2.11. Về tiếp tục tăng cường các bảo đảm cho tư pháp

- Tiếp tục tăng cường nguồn lực vật chất, hoàn thiện cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách, phân bổ ngân sách cho Tòa án và các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp, đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách do địa phương cấp. Tăng cường ngân sách phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tư pháp, xây dựng hệ thống tư pháp điện tử đồng bộ với việc xây dựng Quốc hội điện tử, Chính phủ điện tử.

- Tăng cường mọi nguồn lực cho tiếp tục cải cách tư pháp, đặc biệt nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính; đẩy mạnh phát triển nhân lực tư pháp đủ năng lực, khả năng tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp.

2.12. Về tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với tư pháp

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng đối với cơ quan Tòa án và các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp; khắc phục tình trạng cấp uỷ đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp.

- Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan thực hiện quyền tư pháp, tham gia thực hiện quyền tư pháp; chăm lo công tác phát triển nhân lực tư pháp.

- Lựa chọn những cán bộ có trình độ, năng lực, uy tín, bản lĩnh giới thiệu, bầu vào cấp uỷ và bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các cơ quan tư pháp; bố trí Trưởng ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ và Chánh án TAND địa phương là Thường vụ cấp uỷ; đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị là Trưởng ban Nội chính Trung ương và Chánh án TAND tối cao.

2.13. Xây dựng và tiến hành thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học mang tính quốc gia trong giai đoạn mới 2021-2030 về cải cách tư pháp

Chương trình nghiên cứu đó phải mang tính tổng thể, toàn diện, hệ thống, tiếp cận đa

chiều, liên ngành về cải cách tư pháp, tổng kết những kết quả đã đạt được, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được giải quyết về cải cách tư pháp, cung cấp những luận cứ mới cho việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp trong giai đoạn mới. Thiết nghĩ, nên giao chương trình nghiên cứu đó cho các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học kết hợp với các cơ quan thực tiễn có liên quan thực hiện để bảo đảm tính khách quan, khoa học, bảo đảm hài hoà các lợi ích, tránh việc chỉ vì lợi ích ngành trong cải cách tư pháp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011);
2. Hiến pháp năm 2013;
3. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;
4. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Cải cách tư pháp đến năm 2020;
5. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;
6. Kế hoạch số 11-KH/TW ngày 28/11/2022 của Bộ Chính trị về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”;
7. Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
8. Báo cáo tổng hợp Đề án “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”;
9. Nguyễn Đức Minh, “Nhận thức về quyền tư pháp ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 6/2011;
10. Nguyễn Đức Minh, “Khái quát về quyền tư pháp một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 2/2011;
11. Võ Khánh Vinh, “Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 8/2003;
12. Võ Khánh Vinh, “Nguyên tắc pháp quyền”, *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số 4/2017;
13. Võ Khánh Vinh, “Về quyền tư pháp và chế độ tư pháp ở nước ta”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 16/2019;
14. Võ Khánh Vinh, “Về tư duy chính trị - pháp lý của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Luật học*, Số đặc biệt “25 năm Tạp chí luật học”, tháng 9/ 2019;
15. Võ Khánh Vinh, “Về xã hội pháp quyền Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 2/2020;
16. Võ Khánh Vinh, “Về chiến lược phát triển nhân lực tư pháp quốc gia”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 15/2021;
17. Võ Khánh Vinh, “Tiếp tục cải cách tư pháp: Những vấn đề lý luận”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 8/2021;
18. Võ Khánh Vinh, “Thực trạng cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 9/2021;
19. Võ Khánh Vinh (chủ biên), *Giáo trình các cơ quan bảo vệ pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017;
20. Võ Khánh Vinh (chủ biên), *Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020;
21. Võ Khánh Vinh (2022), “Mô hình lý luận về Chiến lược cải cách tư pháp mới trong Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*;
22. Đào Trí Úc (chủ biên), *Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001;
23. Đào Trí Úc, “Bàn về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 8/2010;
24. Đào Trí Úc, Vũ Công Giao, *Công lý và quyền tiếp cận công lý: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018;
25. Nguyễn Văn Quyền - Nguyễn Tất Viễn, *Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Từ lý luận đến thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018;
26. Nguyễn Hoà Bình, *Xây dựng Tòa án nhân dân xứng đáng là biểu tượng của công lý, lẽ phải và niềm tin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.